

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 26-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** (viết tắt là **V1**);

Địa chỉ trụ sở chính: **Số H, L, phường L, Quận Đ, Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T.** Chức vụ: Phó Giám đốc **Trung tâm T1** quản trị rủi ro (theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023).

Ủy quyền lại cho:

1. Ông **Nguyễn Văn Đ** - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - Trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý.

2. Ông **Bùi Trọng H** - chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

(Văn bản ủy quyền số: 1063/2024/UQ-VPB ngày 02/02/2024)

Cùng địa chỉ: Số I, C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1956 (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/4/2024);

Địa chỉ thường trú: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H, bà L và ông H1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa, ông Bùi Trọng H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Nguyễn Kim L có vay vốn của Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1) – chi nhánh S theo các nội dung như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018, số tiền vay là 417.600.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng (Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/5/2024), mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4, mới 100%, lãi suất thời điểm cho vay: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng với biên độ 5,5%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do Phòng CSGT Công an tỉnh L cấp, đứng tên bà Nguyễn Kim L. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Kim L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 19/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với bà Nguyễn Kim L để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng bà L kéo dài thời gian, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện:

1. Buộc bà Nguyễn Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2024 là 413.466.497 đồng (Bằng chữ: bốn trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc là 225.200.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 188.266.497 đồng.

2. Yêu cầu bà **Nguyễn Kim L** tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp bà **Nguyễn Kim L** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung RLE1KR77HJV100503, số máy 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do **Phòng C Công an tỉnh L** cấp cho bà **Nguyễn Kim L** đứng tên; được đăng ký biện pháp bảo đảm vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại **Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố H.**

4. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà **Nguyễn Kim L** tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà **Nguyễn Kim L** và người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Văn HI** cùng thống nhất trình bày:*

Giữa bà **Nguyễn Kim L** và **Ngân hàng TMCP V** có ký Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018, số tiền vay là 417.600.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng (Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/5/2024), mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4, mới 100%, lãi suất thời điểm cho vay: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng với biên độ 5,5%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do **Phòng CSGT Công an tỉnh L** cấp, đứng tên bà **Nguyễn Kim L**. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát 62C-111.95 nêu trên, ông **H1** và bà **L** sử dụng để làm dịch vụ chạy xe nhưng bà **L** không có đăng ký kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bà **L** xác định bà **L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **V1** kể từ ngày 19/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bà **L** xác nhận hiện nay chưa thanh toán xong khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018.

Đối với số tiền nợ gốc mà Ngân hàng yêu cầu bà **L** thanh toán là 225.200.000 đồng nhưng số tiền gốc bà **L** còn nợ lại Ngân hàng theo như bà **L** tính thì chỉ còn nợ lại là 75.740.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài khoản vay thế chấp trên thì bà **L** còn vay của **Ngân hàng TMCP V** khoản vay tín chấp theo Giấy

đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/02/2019, vay số tiền là 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Quá trình trả nợ cho Ngân hàng thì bà L chỉ sử dụng 01 số tài khoản cá nhân duy nhất là số tài khoản 152485457 của bà Nguyễn Kim L mở tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh G là tài khoản để trả nợ cho cả 02 khoản vay của Ngân hàng. Khi nộp tiền vào tài khoản trên thì bà L không có yêu cầu tách riêng ra trả cho từng khoản vay nào bao nhiêu tiền, còn việc Ngân hàng sử dụng số tiền đã nộp vào tài khoản để thanh toán cho khoản vay nào của bà L thì bà L không biết và tại thời điểm đó bà L cũng không có ý kiến gì về việc trên. Đến hạn thanh toán thì bà L cứ nộp vào để thanh toán. Sau khi về đối chiếu lại với các số tiền mà bà L đã nộp vào tài khoản thanh toán cho Ngân hàng thì trùng với các số tiền trong bảng sao kê tài khoản của bà L nên Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 225.200.000 đồng thì bà L cũng đồng ý.

Tuy nhiên, hiện nay bà L không có khả năng thanh toán 01 lần cho Ngân hàng nên yêu cầu Ngân hàng cho bà L được trả dần trong 03 năm. Cụ thể là yêu cầu được trả thành 03 đợt: Đợt 1: Trong thời gian 01 năm kể từ ngày 26/6/2024 sẽ thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng; Đợt 2: Trong thời gian 01 năm tiếp theo sẽ thanh toán số tiền nợ gốc là 77.600.000 đồng; Đợt 3: Trong thời gian 01 năm tiếp theo sẽ thanh toán hết số tiền nợ gốc còn lại là 77.600.000 đồng.

Đối với số tiền nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán là 188.266.497 đồng nhưng số tiền lãi mà bà L còn nợ Ngân hàng là 173.000.000 đồng. Số tiền nợ lãi này là do bà L tự tính và không có tài liệu chứng cứ gì. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà L khó khăn nên bà L đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền nợ lãi.

Kể từ thời điểm không còn khả năng thanh toán cho đến nay thì bà L là người quản lý, sử dụng xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát 62C-111.95. Bà L không có giao xe ô tô trên cho Ngân hàng.

Trường hợp bà L không khả năng thanh toán cho Ngân hàng TMCP V thì bà L đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do Phòng CSGT Công an tỉnh L cấp, đứng tên bà Nguyễn Kim L. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/05/2018, Ngân hàng TMCP V có cho bà Nguyễn Kim L vay số tiền 417.600.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng (từ ngày 23/5/2018 đến 23/5/2024) mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4, mới 100%, lãi suất cho vay: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần cộng với biên độ 5,5%/năm. Phương thức trả nợ được chia làm 72 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng vào ngày 19 hàng tháng, cụ thể từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 71 trả 5.800.000đồng/kỳ, kỳ thứ 72 trả dứt nợ, kỳ hạn trả lãi hàng tháng vào ngày 19, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 19/6/2018.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLEIKR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do Phòng CSGT Công An tỉnh L cấp, đứng tên bà Nguyễn Kim L. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/05/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh. Do bà L vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn, tính đến ngày 26/6/2024, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền là 413.466.497 đồng, trong đó: nợ gốc 225.200.000 đồng, nợ lãi 188.266.497 đồng.

Tại phiên tòa bà L đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 225.200.000 đồng cho ngân hàng TMCP V, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về phương thức thanh toán nợ gốc bà L đề xuất phương thức thanh toán chia làm 03 đợt tuy nhiên ngân hàng V không đồng ý với phương án trả nợ của bà L, yêu cầu bà L thanh toán 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và pháp luật cũng không có quy định về phương thức trả dần nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phương án trả nợ của bà L.

Đối với số tiền lãi Ngân hàng V yêu cầu bà L hoàn trả số tiền 188.266.497 đồng, bà L trình bày chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi khoảng 173.000.000 đồng và xin ngân hàng miễn phần tiền lãi nhưng không được ngân hàng đồng ý. Căn cứ vào hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/05/2018, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng V.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/6/2024 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ, Ngân hàng V yêu cầu bà L phải chịu tiền lãi quá hạn của số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm do đó trường hợp bà Nguyễn Kim L không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu

hồi nợ là có đủ căn cứ pháp luật để chấp nhận. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà **Nguyễn Kim L** tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho **ngân hàng V** cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Căn cứ vào các Điều 292, 295, 298, 299, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95, 96 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa **Ngân hàng TMCP V** với bà **Nguyễn Kim L** thông qua Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà **Nguyễn Kim L** có nơi cư trú tại **xã T, huyện C, tỉnh Long An** nên khi Ngân hàng có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018 giữa **Ngân hàng TMCP V** với bà **Nguyễn Kim L** được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do **Phòng CSGT Công an tỉnh L** cấp, đứng tên bà **Nguyễn Kim L**. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự xác định: Ngày 23/5/2018, bà **L** có vay của **Ngân hàng TMCP V** số tiền 417.600.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng (Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/5/2024), mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu ISUZU QKR77HE4, mới 100%, lãi suất thời điểm cho vay: 9,9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng với biên độ 5,5%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, **Ngân hàng TMCP V** và bà **L** cùng thống nhất bà **L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 19/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đây là những

tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được xem xét làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[2.3] Đối với số tiền nợ gốc:

[2.3.1] Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Kim L thanh toán số tiền nợ gốc là 225.200.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Kim L cho rằng số tiền gốc bà L còn nợ lại Ngân hàng theo như bà L tính thì chỉ còn nợ lại là 75.740.000 đồng (bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, ngoài khoản vay thế chấp thì bà L còn vay của Ngân hàng TMCP V khoản vay tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/02/2019, vay số tiền là 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Quá trình trả nợ cho Ngân hàng thì bà L chỉ sử dụng 01 số tài khoản cá nhân duy nhất là số tài khoản 152485457 của bà Nguyễn Kim L mở tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh G là tài khoản để trả nợ cho cả 02 khoản vay của Ngân hàng. Khi nộp tiền vào tài khoản trên thì bà L không có yêu cầu tách riêng ra trả cho từng khoản vay nào bao nhiêu tiền, còn việc Ngân hàng sử dụng số tiền đã nộp vào tài khoản để thanh toán cho khoản vay nào của bà L thì bà L không biết và tại thời điểm đó bà L cũng không có ý kiến gì về việc trên. Đến hạn thanh toán thì bà L cứ nộp vào để thanh toán. Sau khi về đối chiếu lại với các số tiền mà bà L đã nộp vào tài khoản thanh toán cho Ngân hàng thì trùng với các số tiền trong bảng sao kê tài khoản của bà L nên Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 225.200.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) thì bà L cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 225.200.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

[2.3.2] Về phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Kim L yêu cầu được trả thành 03 đợt: Đợt 1: Trong thời gian 01 năm kể từ ngày 26/6/2024 sẽ thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng; Đợt 2: Trong thời gian 01 năm tiếp theo sẽ thanh toán số tiền nợ gốc là 77.600.000 đồng; Đợt 3: Trong thời gian 01 năm tiếp theo sẽ thanh toán hết số tiền nợ gốc còn lại là 77.600.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP V không đồng ý với phương thức thanh toán trên của bà L và yêu cầu bà L thanh toán 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà L yêu cầu được trả dần nhưng không được Ngân hàng đồng ý và pháp luật cũng không quy định được trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà L.

[2.4] Đối với số tiền nợ lãi:

[2.4.1] Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Kim L thanh toán số tiền nợ lãi 188.266.497 đồng (một trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng). Bà Nguyễn Kim L trình bày số tiền lãi mà bà L còn nợ Ngân hàng là 173.000.000 đồng. Số tiền nợ lãi này là do bà L tự tính và không có tài liệu chứng cứ gì. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà L khó khăn nên bà L đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền nợ lãi. Ngân

hàng không đồng ý với đề nghị được miễn lãi của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền nợ lãi theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018 số tiền 188.266.497 đồng (một trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng) là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng.

[2.4.2] Ngân hàng TMCP V yêu cầu kể từ ngày 27/6/2024, bà Nguyễn Kim L phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018 đã ký kết kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[2.5] Xử lý tài sản thế chấp: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do Phòng CSGT Công an tỉnh L cấp, đứng tên bà Nguyễn Kim L. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 307, Điều 319, Điều 323 của Bộ luật Dân sự xác định trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì bà L còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Kim L có nghĩa vụ chịu 20.538.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ nhưng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H2 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 9.054.000 đồng theo biên lai thu số 0010057 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 207, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V** về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà **Nguyễn Kim L**.

1.1. Buộc bà **Nguyễn Kim L** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền là 413.466.497 đồng (Bằng chữ: bốn trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là 225.200.000 đồng, nợ lãi là 188.266.497 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà **Nguyễn Kim L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1805100665515/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2018 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

1.3. Trong trường hợp bà **Nguyễn Kim L** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HJV100503, số máy: 3J7722, biển kiểm soát 62C-111.95, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020551 do **Phòng CSGT Công an tỉnh L** cấp, đứng tên bà **Nguyễn Kim L**. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào hồi 13 giờ 02 phút ngày 23/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ cho **Ngân hàng TMCP V** thì bà **L** còn phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Bà **Nguyễn Kim L** được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **H2** lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí là 9.054.000 đồng theo biên lai thu số 0010057 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên